

Số: 132 /2017/QĐST- HNGĐ

Ninh Bình, ngày 22 tháng 8 năm 2017

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

- Căn cứ hồ sơ vụ án Hôn nhân và gia đình thụ lý số 170/2017/TLST-HNGĐ ngày 06/6/2017 giữa:

***Nguyên đơn:** Chị Phạm Kiều T, sinh năm 1991.

HKTT: Đường N, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Trú tại: phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

***Bị đơn:** Anh Trịnh Văn C, sinh năm 1990.

Trú tại: đường N, phố P, phường P, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng (VP bank).

Trụ sở: 292, đường Tây Sơn, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Người đại diện: Ông Phùng Vương, Giám đốc Ngân hàng Thương Mại Cổ phần Việt Nam Thịnh Vượng chi nhánh Kinh Đô.

2. Ông Trịnh Văn H, sinh năm: 1954.

Trú tại: Số 727, phố T, thị trấn T, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

3. Chị Phạm Thị H1, sinh năm 1989, trú tại số nhà 05, phố P, phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

4. Chị Trần Thị Thu H2, sinh năm 1985, trú tại: Phố P , phường N, thành phố N, tỉnh Ninh Bình.

5. Chị Đoàn Thị H3, sinh năm: 1977; Trú tại: thôn X, xã N, huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình.

- Căn cứ vào Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Căn cứ các Điều 55, 57, 59, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

- Căn cứ Điều 463 Bộ luật dân sự 2015

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Căn cứ vào Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14/8/2017.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 8 năm 2017 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Phạm Kiều T và anh Trịnh Văn C.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

a. Về con chung: Chị Phạm Kiều T và anh Trịnh Văn C đều xác định vợ chồng có 01 con chung là cháu Trịnh Hoàng N, sinh ngày 05/10/2015. Khi ly hôn chị T, anh C thống nhất thỏa thuận chị T nuôi cháu Trịnh Hoàng N, anh C có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 700.000đồng (*bảy trăm nghìn đồng*) kể từ tháng 8/2017 đến khi cháu N trưởng thành. Anh C được quyền thăm nom chăm sóc con chung.

b. Về tài sản chung và công nợ chung:

- Giao cho chị Phạm Kiều T được sở hữu tài sản gồm: máy điều hòa trị giá 5 triệu đồng; máy giặt trị giá 3 triệu đồng, tủ lạnh trị giá 4 triệu đồng, bếp bình ga trị giá 1,5 triệu đồng. Tổng trị giá tài sản chị T được hưởng là 13,5 triệu đồng. Hiện các tài sản nói trên anh C đang quản lý.

- Giao cho anh Trịnh Văn C được quyền sở hữu toàn bộ chiếc ô tô KIA MORNING, biển kiểm soát 35A- 087.71 mang tên Trịnh Văn C hiện anh C đang quản lý. Chiếc xe hiện đang thế chấp tại Ngân hàng TMCP Việt Nam Thịnh Vượng (VP Bank)- chi nhánh Kinh Đô để vay vốn mua chiếc ô tô nói trên. Trị giá chiếc ô tô là 300 triệu đồng. Ngoài ra không còn tài sản chung nào khác.

c. Về công nợ chung: Anh Trịnh Văn C có trách nhiệm trả toàn bộ công nợ chung của vợ chồng do vay để mua chiếc xe ô tô KIA MORNING nói trên gồm:

+ Ngân hàng VP Bank -chi nhánh Kinh Đô số tiền 183.332.000^d (*Một trăm tám mươi ba triệu đồng ba trăm ba mươi hai nghìn đồng*)(thời điểm tính từ ngày 14/7/2017) và thực hiện theo hợp đồng tín dụng, thế chấp đã ký.

+ Ông Trịnh Văn H 73.800.000^d tương ứng với 2 cây vàng SJC và lãi theo thỏa thuận giữa ông H và anh C.

+ Chị Đoàn Thị H3 10.000.000^d (mười triệu đồng).

+ Chị Phạm Thị H1 10.000.000^d (mười triệu đồng) (Ngày 14/8/2017 anh C đã thanh toán xong cho chị H1, chị H1 đã nhận đủ số tiền).

+ Chị Trần Thị Thu H2 10.000.000^d (mười triệu đồng) (ngày 14/8/2017 anh C đã thanh toán xong, chị H2 đã nhận đủ số tiền).

Chị T, anh C không phải thanh toán chênh lệch tài sản cho nhau

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành đối với khoản tiền được thi hành án, nếu anh C không thi hành thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo lãi xuất chậm trả quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm trả.

4. Về án phí

-Án phí ly hôn: Chị T phải nộp là 150.000đồng.

-Án phí cấp dưỡng nuôi con: Anh C phải nộp là 150.000đồng.
-Án phí về giải quyết công nợ: Chị T, anh C mỗi người phải nộp là 3.589.000đồng.

-Án phí về chia tài sản: chị T, anh C mỗi người phải nộp là 329.600đồng.

Tổng cộng án phí anh C, chị T mỗi người phải nộp là 4.068.600đồng (*Bốn triệu không trăm sáu mươi tám nghìn sáu trăm đồng*).

Chị T đã nộp tiền tạm ứng án phí ly hôn 300.000đồng (*ba trăm nghìn đồng*) và tiền tạm ứng án phí chia tài sản 5.000.000đồng (*năm triệu đồng*) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2016/0000513 ngày 06/6/2017 và số AA/2016/0000535 ngày 20/6/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Ninh Bình, nay được đối trừ vào tiền án phí phải nộp. Chị T được hoàn trả lại số tiền là 1.231.400đồng (*một triệu hai trăm ba mươi một nghìn bốn trăm đồng*).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh NB (1).
- VKSND TP. Ninh Bình (3).
- CCTHADS TP. Ninh Bình (1).
- UBND phường P
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án, lưu vp.

Thẩm phán
(*đã ký*)

Nguyễn Thị Bích Thủy